



QUẢNG NAM KHAI THÁC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

LÊ MINH ÁNH

Q. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam

1. Thực hiện kế hoạch 5 năm (2001-2005) đạt nhiều thành tựu quan trọng.

Tỉnh Quảng Nam nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, phía Tây giáp Lào và phía Đông giáp biển Đông, diện tích tự nhiên 10.406 km², dân số gần 1,5 triệu người. Toàn tỉnh có 17 đơn vị hành chính gồm thị xã tỉnh lỵ Tam Kỳ, thị xã Hội An và 15 huyện với 233 xã, phường, thị trấn.

Được tái lập từ năm 1997, Quảng Nam có vị trí địa lý và điều kiện tương đối thuận lợi cả về đường sắt, đường quốc lộ, cảng biển và sân bay. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Trên địa bàn tỉnh hiện còn lưu giữ nhiều công trình văn hoá vật thể và phi vật thể. Trong đó, có 2 di sản văn hoá thế giới được UNESCO công nhận là phố cổ Hội An và khu di tích Mỹ Sơn, 15 di tích được xếp hạng quốc gia và gần 250 di tích văn hoá, lịch sử cách mạng, nhiều làng nghề thủ công truyền thống đặc sắc.

Những năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVIII (2001-2005), với tinh thần phát huy nội lực, lựa chọn đúng khâu đột phá để phát triển, Quảng Nam đã có những bước chuyển mạnh mẽ trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Một là, kinh tế tăng trưởng ổn định, liên

tục, tốc độ tăng GDP bình quân đạt 10,4%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng từ 25% năm 2000 lên 34% năm 2005, dịch vụ tăng từ 33% năm 2000 lên 35% năm 2005.

- Sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao, đạt bình quân gần 26%. Tính đến cuối năm 2005, tỉnh đã hình thành được 5 khu công nghiệp và 18 cụm công nghiệp. Khu kinh tế mở Chu Lai đã có 45 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn đầu tư 195 triệu USD. Khu công nghiệp Điện Nam, Điện Ngọc có 27/53 dự án được cấp phép đi vào hoạt động với tổng số vốn đầu tư hơn 2.600 tỉ đồng. Hiện tại, toàn tỉnh có khoảng 12.000 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động ở các địa phương với nhiều ngành nghề đa dạng, giải quyết việc làm cho hơn 62.000 lao động. Một số ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu như công nghiệp ô tô, khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm - thủy sản, công nghiệp da giày, may mặc, sản phẩm gỗ... Tiềm năng thủy điện được đầu tư khai thác. Trong những năm qua, tỉnh đã quy hoạch 8 thủy điện lớn và 31 thủy điện nhỏ với tổng công suất khoảng 1.400MW. Đã khởi công xây dựng nhà máy Thủy điện A Vương, Sông Côn, Khe Diên, Sông Tranh 2...

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

- Các ngành dịch vụ tăng khá, du lịch phát triển nhanh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, từng bước khẳng định vị thế mũi nhọn. Đã có 18 dự án đầu tư vào ngành du lịch; trong đó, có 17 dự án đã đi vào hoạt động. Lượng khách du lịch tăng bình quân trên 22%/năm, doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân 36,6%/năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 306 triệu USD, tăng bình quân 25%/năm; trong đó, xuất khẩu thủy sản tăng bình quân 42,6%/năm, chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Các ngành dịch vụ khác như vận tải, bưu chính, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm đều có tốc độ tăng trưởng khá. Quan hệ thương mại tiếp tục được mở rộng đến 30 nước và vùng lãnh thổ. Hàng xuất khẩu của tỉnh đã vào được các thị trường lớn như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và các nước EU, Ôt-xtrây-li-a. Thương mại nội địa phát triển nhanh, tổng mức bán lẻ tăng bình quân trên 20%/năm.

- Sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp có bước chuyển biến trong cơ cấu sản xuất, chuyển đổi mùa vụ và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất. Giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm trên 4,08%. Sản lượng lương thực có hạt đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Hầu hết diện tích lúa đã được chuyển sang hai vụ, một số diện tích chuyển sang trồng cây công nghiệp, cây thực phẩm... Đã xuất hiện một số mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hộ có thu nhập cao, từng bước hình thành nền nông nghiệp hàng hoá. Công tác giữ rừng, phát triển vốn rừng được tập trung chỉ đạo, đặc biệt là chủ trương giao đất, giao rừng đã đạt nhiều kết quả, nâng độ che phủ rừng đạt khoảng 43,5%. Kinh tế thủy sản có tốc độ phát triển khá và toàn diện trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng và chế biến. Diện tích nuôi trồng thủy sản hàng năm đạt trên 6.000 ha, tăng bình quân gần 14%/năm, sản lượng khai thác hải sản tăng bình quân trên 7%/năm.

Hai là, công tác quy hoạch có nhiều tiến bộ, đã điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng

thể của tỉnh và các quy hoạch ngành. Hoàn thiện quy hoạch chi tiết kết cấu hạ tầng kỹ thuật thị xã Tâm Kỳ, thị xã Hội An, khu đô thị mới Điện Nam, Điện Ngọc, khu kinh tế mở Chu Lai, các thị trấn, thị xã và trung tâm các huyện mới thành lập. Thu ngân sách có bước phát triển khá, tăng bình quân trên 18%/năm, đạt mức thu phát sinh kinh tế trên 1.000 tỉ đồng, gấp 5 lần so với năm 2000. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước đã từng bước được bảo đảm, chi cho đầu tư phát triển và chi thường xuyên từng bước tăng dần qua các năm.

Ba là, công tác huy động vốn cho đầu tư phát triển đạt nhiều kết quả. Các nguồn lực được huy động vào hoạt động đầu tư đa dạng hơn. Cơ cấu đầu tư được tập trung chuyển hướng vào phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển hạ tầng. Trong 5 năm qua, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 13.200 tỉ đồng (bằng 40% GDP), tỉ lệ tăng bình quân hàng năm xấp xỉ đạt 32%, trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm 43,8%, vốn tín dụng: 9,42%, vốn của các doanh nghiệp: 19,07%, vốn FDI: 6,02%, các nguồn vốn khác: 21,6%. Tính đến cuối năm 2005, toàn tỉnh thu hút được 57 dự án thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn cấp phép khoảng 385 triệu USD; tổng số vốn thực hiện được trên 75 triệu USD. Nhờ có vốn đầu tư đúng hướng, trong 5 năm qua, hệ thống giao thông chính, các công trình thủy lợi, trường học, y tế tiếp tục được đầu tư, từng bước cải thiện đáng kể nhu cầu dân sinh và phục vụ sản xuất. Trên địa bàn nông thôn và miền núi của tỉnh, đã có trên 700 công trình hạ tầng nhỏ được đưa vào sử dụng, giao thông nông thôn đã có khoảng 2.000 km đường cấp phối và trên 2.000 km đường bê tông xi măng được xây dựng. Hạ tầng khu kinh tế mở Chu Lai, các khu công nghiệp, du lịch đã và đang được tiếp tục hoàn thiện. Cảng Kỳ Hà, sân bay Chu Lai đã được khôi phục và đưa vào khai thác. Mạng lưới điện quốc gia được cải tạo, nâng cấp và mở rộng tới 213 xã, đạt 94,6%. Toàn tỉnh hiện có 94% số hộ được sử dụng điện, 100% số xã có điện thoại, đạt 9 máy/100 dân.

Bốn là, lĩnh vực văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng có bước phát triển đáng kể. Quy mô giáo dục ngày càng được mở rộng, đã xây dựng mới được 96 trường học các cấp. Đến nay, toàn tỉnh đã có 9/17 huyện, thị xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, 136 trường đạt chuẩn quốc gia, 97,6% giáo viên các cấp đạt chuẩn về trình độ đào tạo. Xã hội hoá giáo dục và đào tạo đạt kết quả bước đầu. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư, toàn tỉnh hiện có 6 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, 17 trung tâm y tế và 225 trạm y tế tuyến xã, trong đó 65% trạm y tế có bác sĩ, 100% thôn, bản có nhân viên y tế. Hầu hết người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế và thẻ khám chữa bệnh. Công tác dân số, gia đình và bảo vệ trẻ em có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ giảm sinh đạt 0,07%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 25% (năm 2000 là 35%). Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá phát triển mạnh. Công tác quản lý, bảo tồn, trùng tu các di sản văn hoá được tích cực thực hiện. Việc xã hội hoá các lễ hội văn hoá truyền thống, Lễ hội Quảng Nam - Hành trình di sản năm 2003 và 2005 được tổ chức tốt. Chính sách đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo người có công được thường xuyên duy trì và nâng cao; 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng được phụng dưỡng. Trong 5 năm qua, đã xây dựng được 17.000 ngôi nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết cho các gia đình chính sách và các hộ nghèo. Công tác xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho nhân dân trong diện giải toả mặt bằng được tập trung chỉ đạo. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí cũ) giảm từ 23,4% năm 2000 xuống còn 9,5% năm 2005, số lao động được tạo việc làm mới trong 5 năm là 150.000 người, tăng 30.000 người so với chỉ tiêu đề ra. An ninh - quốc phòng được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Kinh tế - xã hội miền núi ổn định và có bước phát triển.

Năm là, công tác quản lý nhà nước có nhiều tiến bộ, cải cách hành chính được đẩy mạnh. Công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước được triển khai tích cực, đạt kết quả tốt, theo đúng lộ trình và

hoàn thành sớm vào giữa năm 2005.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế tăng trưởng nhưng chưa thật sự vững chắc, hiệu quả chưa cao. Công nghiệp còn thiếu sản phẩm chủ lực và thương hiệu có sức cạnh tranh cao. Hiệu quả kinh tế nông nghiệp còn hạn chế. Kinh tế hộ, kinh tế trang trại quy mô còn nhỏ, sản phẩm hàng hoá ít. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn bất cập. Cơ chế chính sách cho khu kinh tế mở Chu Lai chưa đồng bộ. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội miền núi còn hạn chế. Việc thực hiện xã hội hoá giáo dục, y tế kết quả chưa cao. Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp (dưới 20%), tốc độ chuyển dịch lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp chậm.

2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010.

Trên cơ sở phương hướng chung về mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, tỉnh phấn đấu đạt được các chỉ tiêu chủ yếu: tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 14%/năm, đến năm 2010, GDP bình quân đầu người đạt 900 USD. Bình quân hàng năm giá trị sản xuất công nghiệp tăng 28%, nông nghiệp tăng 5%. Đến năm 2010, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 82% GDP, thu hút được 3 triệu khách du lịch vào năm 2010. Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm (2006-2010) đạt 1.150 triệu USD, tăng bình quân trên 27%/năm, năm 2010 đạt 350 triệu USD. Tăng tỉ lệ thu ngân sách phát sinh kinh tế bình quân hàng năm khoảng 20%. Đến năm 2010, đáp ứng cơ bản nhu cầu chi thường xuyên của tỉnh. Giảm nhanh tỉ lệ hộ nghèo còn dưới 18% (theo tiêu chí mới); hoàn thành chương trình xoá nhà tạm trên toàn tỉnh. Giải quyết việc làm mới khoảng 180.000 lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động sang lĩnh vực phi nông nghiệp chiếm trên 45%. Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trên toàn tỉnh và phổ cập trung học phổ thông ở khu vực đô thị và đồng bằng. Trên 80% số xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng có

chất lượng. Giảm tỉ lệ sinh bình quân hàng năm 0,04%, giảm tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới mức 20% vào năm 2010. Trên 70% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Để đạt được các chỉ tiêu chủ yếu nói trên, tỉnh phấn đấu thực hiện tốt các giải pháp:

Thứ nhất, tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh sản xuất công nghiệp - dịch vụ, nhưng không coi nhẹ chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp.

Về công nghiệp, chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến thực phẩm, hàng mây, tre đan, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ, dệt may, sản xuất bột giấy, xi măng, vật liệu xây dựng và ngành xây dựng công nghiệp cơ khí, ô tô, xe máy, thủy tinh, sản xuất điện năng, công nghiệp điện tử, hoá chất, phân bón. Trong đó, ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế xuất. Khuyến khích các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, các ngành tạo nguồn thu lớn cho ngân sách, đồng thời có những bước đi tắt hướng đến kinh tế tri thức, từng bước hình thành các ngành sử dụng công nghệ cao.

Về dịch vụ, phát triển du lịch, thương mại - xuất nhập khẩu, tài chính, tín dụng, bảo hiểm, bưu chính - viễn thông, hàng hải...; trong đó, ưu tiên hàng đầu cho phát triển mạnh du lịch, đào tạo và tài chính. Phấn đấu đạt được bước tiến quan trọng về hàng hải, hàng không, hoạt động của khu thương mại tự do trong khu kinh tế mở Chu Lai, lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông và công nghệ thông tin.

Về nông - lâm nghiệp và thủy sản, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Nâng tỉ trọng chăn nuôi từ 28% hiện nay lên 35% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp vào năm 2010. Xây dựng vùng chuyên canh cây thực phẩm, cây nguyên liệu. Phấn đấu tạo nhiều cánh đồng thu nhập bình quân trên 50 triệu đồng/ha.

Bảo vệ tốt tài nguyên đất, áp dụng kỹ thuật thâm canh hợp lý. Trồng mới và khoanh nuôi, bảo vệ tài nguyên rừng, tăng độ che phủ rừng từ 43,5% lên 45% vào năm 2010. Chú trọng và đặt lên hàng đầu việc nuôi trồng thủy sản xuất khẩu, các loại đặc sản có giá trị cao và thủy sản nước ngọt. Phát triển các nghề đánh bắt hải sản. Gắn nuôi trồng và đánh bắt với công nghiệp chế biến, khắc phục tình trạng xuất khẩu thô.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển vùng. Vùng ven biển - hải đảo, được xác định là vùng động lực, có tác động lan toả và tạo nguồn tài chính. Do vậy, cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng khu kinh tế mở Chu Lai, các khu, cụm công nghiệp, nâng cấp các đô thị đã có, xây dựng khu đô thị mới, phát triển mạnh dịch vụ du lịch và các ngành dịch vụ khác. Chú trọng phát triển kinh tế biển, nuôi trồng thủy sản và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Vùng miền núi - trung du có chức năng xung yếu về phòng hộ, có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh, tạo thế liên kết với Lào, Thái Lan để tham gia vào tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, do vậy cần chú trọng việc quy hoạch phát triển vùng trồng cây nguyên liệu phù hợp; đẩy mạnh chăn nuôi đại gia súc và trồng rừng; khai thác và chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng. Xây dựng hệ thống thủy điện gắn với hình thành các cụm kinh tế kỹ thuật, từng bước phát triển du lịch sinh thái.

Thứ ba, nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô giáo dục ở các cấp học theo hướng tăng đầu tư và xã hội hoá, đa dạng hoá các loại hình trường, lớp. Quy hoạch và phát triển mạng lưới trường chuẩn quốc gia ở cả 3 cấp học. Phát triển hệ thống đào tạo nghề, xây dựng trường đại học, tăng cường hợp tác với nước ngoài và các trường đại học trong nước về giáo dục - đào tạo. Khẩn trương đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá Quảng Nam, phấn đấu đến năm 2010 tỉ lệ lao động được đào tạo đạt 40% lao động xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hoá lĩnh vực y tế, đầu tư trang thiết bị và tăng cường bác sĩ cho miền núi, vùng sâu,

y tế tuyến cơ sở. Chú trọng hàng đầu y tế dự phòng. Thực hiện tốt việc chống suy dinh dưỡng trẻ em. Xây dựng nền văn hoá, tạo động lực cho sự phát triển lâu dài, bền vững. Coi trọng các hình thức giáo dục truyền thống. Đổi mới hoạt động để phát huy tác dụng các trung tâm văn hoá huyện. Tiếp tục khôi phục và hoàn thiện cơ chế hoạt động các nhà văn hoá làng ở miền núi. Đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hoá theo hướng thiết thực, hiệu quả. Đặc biệt quan tâm vấn đề việc làm, giảm thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ giảm nghèo, chính sách đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo các đối tượng chính sách, người có công. Hoàn thành xoá nhà tạm trên địa bàn toàn tỉnh. Có biện pháp tích cực phòng chống tệ nạn xã hội, mai dâm, ma tuý, lây nhiễm HIV/AIDS. Tạo chuyển biến rõ rệt về phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

Thứ tư, quản lý tốt quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng. Trong đó, tập trung điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, quy hoạch sử dụng đất, bố trí không gian phù hợp cho các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ, du lịch, khu dân cư, đô thị, kết cấu hạ tầng... bảo đảm khai thác các lợi thế so sánh của tỉnh để phát triển bền vững, bảo vệ tốt tài nguyên, môi trường tự nhiên và truyền thống văn hoá. Tiếp tục hoàn thiện chính sách cơ chế mở, tạo môi trường đầu tư thông thoáng và đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp. Hoàn chỉnh khung pháp lý cho khu kinh tế mở Chu Lai và tỉnh Quảng Nam theo hướng thực hiện tự do kinh doanh trên mọi lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Thực hiện tốt việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, sắp xếp lại dân cư. Đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện cổ phần hoá, đồng thời, tạo môi trường pháp lý và môi trường kinh tế thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước sau khi thực hiện chuyển đổi. Có kế hoạch bổ sung vốn hoạt động và huy động thêm các nguồn vốn khác cho các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ trên các lĩnh vực kinh tế, dịch vụ, đào tạo, y tế... Khuyến khích tư nhân và các công ty cổ phần đầu tư vào lĩnh vực xây dựng hạ tầng, dịch vụ văn hoá và xã hội. Chú trọng khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác. Thực hiện đúng *Luật Doanh nghiệp* và thực hiện bình đẳng trong kinh doanh.

Thứ năm, nghiên cứu hoàn thiện và tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp tạo nguồn tài chính để đẩy mạnh kết cấu hạ tầng. Trước hết, tập trung tạo vốn từ quỹ đất đảm bảo đúng luật và các quy định của Nhà nước. Trên cơ sở quy hoạch các khu du lịch, khu đô thị, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, tiến tới từng bước hình thành thị trường bất động sản. Đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn khác như: ODA, FDI, các nguồn vốn vay từ ngân sách trung ương, quỹ hỗ trợ đầu tư..., có cơ chế khuyến khích áp dụng các hình thức BOT để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Ứng dụng có hiệu quả những thành tựu khoa học - công nghệ. Triển khai áp dụng cơ chế đơn vị sự nghiệp có thu nguồn kinh phí của Nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghiệp trọng điểm của tỉnh.

Thứ sáu, đẩy mạnh cải cách hành chính. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, xây dựng, nhà đất, giải quyết chế độ, chính sách cho nhân dân và thực hiện tốt cơ chế "*Một cửa, tại chỗ*". Đồng thời, tiếp tục cải cách bộ máy hành chính theo hướng bỏ khâu trung gian, chồng chéo, đẩy mạnh phân cấp cho cấp huyện và ngành. Nâng cao năng lực điều hành của UBND và các cơ quan QLNN các cấp. Tăng cường kỉ luật, kỉ cương hành chính, nâng cao chất lượng và thường xuyên kiểm tra, thanh tra để phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt công tác cán bộ, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực, xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng để nhanh chóng xây dựng Quảng Nam thành tỉnh công nghiệp giàu mạnh □